

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 07/04/2021)
Ông Phạm Vĩnh Thái	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 07/04/2021)
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/04/2021)
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07/04/2021)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Châu Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/01/2021)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2021)
Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/04/2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban
Bà Lê Thu Hương	Kiểm soát viên
Bà Lê Hồng Phương	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Đình Thọ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 11 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0762-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.405.271.182	55.996.549.996
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.912.545.126	6.515.349.372
111	1. Tiền		18.912.545.126	6.515.349.372
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.905.011.013	34.470.990.650
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	41.892.932.111	36.490.709.549
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.371.277.460	164.653.056
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	136.280.000	111.280.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.495.478.558)	(2.295.651.955)
140	IV. Hàng tồn kho	8	11.733.972.288	13.664.612.211
141	1. Hàng tồn kho		18.701.799.751	19.167.678.596
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.967.827.463)	(5.503.066.385)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		790.522.755	1.282.377.763
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	790.522.755	1.282.377.763
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.526.488.547	34.791.489.625
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.079.085.881	3.430.808.580
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	6.813.619.602	6.711.617.160
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(4.734.533.721)	(3.280.808.580)
220	II. Tài sản cố định		27.902.280.438	30.421.643.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.546.724.872	10.012.754.651
222	- Nguyên giá		17.753.543.584	18.011.368.716
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.206.818.712)	(7.998.614.065)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.355.555.566	20.408.888.894
228	- Nguyên giá		20.460.000.000	20.460.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.444.434)	(51.111.106)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	1.212.500.000	939.037.500
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.231.250.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(292.212.500)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		332.622.228	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	332.622.228	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		104.931.759.729	90.788.039.621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.514.248.457	18.092.132.919
310	I. Nợ ngắn hạn		23.514.248.457	18.092.132.919
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	6.514.608.705	7.258.167.927
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		669.626.355	482.728.752
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.739.741.160	1.714.097.991
314	4. Phải trả người lao động		12.342.649.544	5.506.343.274
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	190.118.812	126.260.604
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	444.610.279	2.270.937.512
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		612.893.602	733.596.859
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		81.417.511.272	72.695.906.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	81.417.511.272	72.695.906.702
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.901.089.513	9.208.310.062
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.555.681.532	2.042.829.569
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.960.740.227	11.444.767.071
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.187.727.804	1.187.727.804
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.773.012.423	10.257.039.267
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		104.931.759.729	90.788.039.621


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	603.344.937.078	520.035.031.888
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		603.344.937.078	520.035.031.888
11	3. Giá vốn hàng bán	19	524.562.552.281	457.207.405.743
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.782.384.797	62.827.626.145
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.674.212.303	639.204.150
22	6. Chi phí tài chính	21	200.603.553	377.052.069
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		64.738.254	-
25	7. Chi phí bán hàng	22	37.246.564.367	28.394.674.624
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	22.687.374.705	21.439.551.034
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.322.054.475	13.255.552.568
31	10. Thu nhập khác	24	216.744.741	2.624.320
32	11. Chi phí khác	25	225.577.912	264.189.018
40	12. Lợi nhuận khác		(8.833.171)	(261.564.698)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.313.221.304	12.993.987.870
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.540.208.881	2.736.948.603
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.773.012.423	10.257.039.267
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.524	1.641

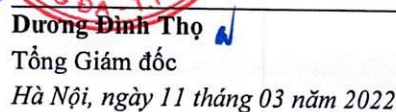


Phạm Thị Chung
Người lập biểu



Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.313.221.304	12.993.987.870
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.168.070.061	8.502.250.340
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.519.363.107	3.033.023.865
03	- Các khoản dự phòng		3.826.100.322	5.667.806.692
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(242.131.622)	(198.580.217)
06	- Chi phí lãi vay		64.738.254	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.481.291.365	21.496.238.210
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.735.849.408)	(27.561.215.600)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		465.878.845	(2.951.882.800)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.842.649.426	10.397.755.313
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		159.232.780	1.826.356.217
14	- Tiền lãi vay đã trả		(64.738.254)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.840.039.512)	(2.065.685.600)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		50.000.000	55.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.222.111.110)	(1.685.566.667)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.136.314.132	(489.000.927)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(4.736.804.872)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.000.000	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.500.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		138.381.622	198.580.217
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		260.881.622	(4.538.224.655)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.000.000.000)	(4.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.000.000.000)	(4.500.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.397.195.754	(9.527.225.582)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.515.349.372	16.042.574.954
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	18.912.545.126	6.515.349.372



Phạm Thị Chung
Người lập biểu



Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/05/2019.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 57 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 62 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm,...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do đặc thù về ngành nghề kinh doanh, trong năm hoạt động sản xuất của đơn vị không chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19. Việc phân phối Bộ sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 6 và các sách tham khảo cũng như thiết bị giáo dục đi kèm theo chương trình giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo làm cho doanh thu tăng mạnh 83 tỷ đồng (tương ứng tăng 16,02%) so với năm trước. Trong khi đó, các bộ sách theo chương trình mới lại được hưởng mức chiết khấu cao hơn từ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Những yếu tố này làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty đạt 20,3 tỷ đồng, tăng 7,3 tỷ đồng so với năm 2020.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT và tổng doanh thu. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán dựa theo tỷ lệ hàng tồn kho còn tồn cuối kỳ.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 18 tháng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	948.652.032	78.444.211
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.963.893.094	6.436.905.161
	18.912.545.126	6.515.349.372

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn (trên 10% số dư khoản mục)				
- Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu ⁽ⁱ⁾	3.013.888.150	(3.013.888.150)	3.013.888.150	(2.109.721.705)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	8.764.086.244	-	6.395.751.349	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.154.319.037	-	4.439.953.100	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Nghệ An	13.259.728.405	-	1.440.914.035	-
b) Các khoản phải thu khách hàng khác				
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	12.700.910.275	(466.501.258)	21.200.202.915	(132.931.595)
	41.892.932.111	(3.480.389.408)	36.490.709.549	(2.242.653.300)
c) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	440.187.120	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)				

⁽ⁱ⁾ Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã trích dự phòng với toàn bộ số nợ phải thu nói trên.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	1.500.000.000	-	-	-
Nhà máy In Bộ Quốc phòng	1.453.949.478	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	417.327.982	(15.089.150)	164.653.056	(52.998.655)
	3.371.277.460	(15.089.150)	164.653.056	(52.998.655)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	136.280.000	-	111.280.000	-
	136.280.000	-	111.280.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	6.763.619.602	(4.734.533.721)	6.661.617.160	(3.280.808.580)
- Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	6.763.619.602	(4.734.533.721)	6.561.617.160	(3.280.808.580)
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	100.000.000	-
	6.813.619.602	(4.734.533.721)	6.711.617.160	(3.280.808.580)

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản góp vốn của Công ty theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội và một số đơn vị khác thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và được thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.662 m². Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan Giấy chứng nhận đầu tư của Dự án được UBND Thành phố Hà Nội cấp đã hết hạn từ năm 2016. Vì thế, để triển khai dự án, các bên phải thực hiện các thủ tục để xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng.

Ngày 04/05/2020, Dự án được UBND Thành phố Hà Nội gia hạn thời gian thuê đất 24 tháng để thực hiện dự án theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND kể từ ngày ký quyết định gia hạn (04/05/2020). Công ty đã làm việc với các Sở ban ngành với đầu mối chủ trì là Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội để thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư. Sau các ý kiến tham gia của các Sở ban ngành, ngày 18/11/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành báo cáo thẩm định số 730/BC-KHĐT thẩm định việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án gửi UBND Thành phố. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị UBND Thành phố chấp thuận phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo đề nghị của Nhà đầu tư, theo đó điều chỉnh thời gian khởi công và hoàn thành dự án từ 2020-2022 thay vì 2013-2016 như trước đây.

Ngày 07/12/2020, UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chỉ đạo số 10816/VP-KT trong đó giao lại Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu kỹ ý kiến tham gia của UBND Huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên Môi trường để làm rõ nguyên nhân chủ quan khách quan dự án chậm tiến độ, trách nhiệm và cam kết của Nhà đầu tư; rà soát lại nội dung thẩm định sự phù hợp về Quy hoạch của dự án; Kiểm tra lại nội dung đề xuất thời gian hoàn thành dự án (Quý 2/2022) đảm bảo phù hợp với thời hạn gia hạn sử dụng đất, nghiên cứu đánh giá lại hiệu quả đầu tư cho phù hợp với lộ trình chuyển đổi mục đích sử dụng của dự án; tham mưu báo cáo UBND Thành phố theo đúng quy định pháp luật. Ngày 27/01/2021, UBND huyện Đông Anh có văn bản số 235/UBND-TCKH đưa ra ý kiến về việc dự án chậm tiến độ, Nhà đầu tư không tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, chức năng của dự án chưa phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị. Ngày 01/3/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố có văn bản số 816/KH&ĐT-NNS, theo đó, đề xuất Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội nghiên cứu các quy định của Luật đầu tư 2020 và ý kiến của UBND huyện Đông Anh để lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương dự án theo quy định.

Như vậy cho đến ngày 31/12/2021, Dự án vẫn chưa được gia hạn thời gian thực hiện. Để dự phòng rủi ro, Công ty thực hiện trích dự phòng 70% trên số số tiền đã góp, tương ứng với giá trị là 4.734.533.721 VND.

(ii) Đây là khoản góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn góp dự kiến của toàn dự án là 220.000.000.000 đồng, trong đó số vốn góp dự kiến của Công ty sẽ được phân bổ dựa trên tiến độ của dự án. Trong năm 2021, Công ty đã nhận lại khoản tiền đã góp vào dự án theo Biên bản thanh lý số 041/2021/TLHĐ ngày 22/04/2021.

7. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu	3.013.888.150	-	3.013.888.150	904.166.445
Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội	6.763.619.602	2.029.085.881	6.561.617.160	3.280.808.580
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	100.000.000	100.000.000
Các khoản khác	815.160.070	333.569.662	185.930.250	-
	10.592.667.822	2.362.655.543	9.861.435.560	4.284.975.025

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.372.148.219	-	3.942.413.354	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	227.676.020	-	428.081.857	-
Thành phẩm	7.048.497.906	(3.515.129.472)	5.324.188.131	(3.303.685.544)
Hàng hoá	10.053.477.606	(3.452.697.991)	9.472.995.254	(2.199.380.841)
	18.701.799.751	(6.967.827.463)	19.167.678.596	(5.503.066.385)

Tại ngày 31/12/2021, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 6.967.827.463 VND là các sách và thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT chờ kết chuyển	491.048.420	682.117.117
- Chi phí tổ chức bàn thảo, phí quản lý xuất bản	175.471.000	492.250.800
- Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	124.003.335	108.009.846
	790.522.755	1.282.377.763
b) Dài hạn		
- Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty	332.622.228	-
	332.622.228	-

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	63.220.000	158.080.000	-	63.220.000	101.120.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội ⁽¹⁾	EID 63.220.000	158.080.000	-	63.220.000	101.120.000	-
	63.220.000	158.080.000	-	63.220.000	101.120.000	-

⁽¹⁾ Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	1.212.500.000	-	1.231.250.000	(292.212.500)
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH 1.212.500.000	-	1.212.500.000	(292.212.500)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai	-	-	18.750.000	-
	1.212.500.000	-	1.231.250.000	(292.212.500)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lý do thay đổi đối với các khoản đầu tư khác:

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng số 0904/2021/HĐCNCP ngày 09/04/2021 với ông Trần Kim Hồng để chuyển nhượng phần vốn góp là 7.500 cổ phần tương ứng 5,1% vốn điều lệ tại Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu, tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 22.500.000 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.036.417.444	10.909.846.361	887.692.957	1.177.411.954	18.011.368.716
- Thanh lý, nhượng bán	-	(257.825.132)	-	-	(257.825.132)
Số dư cuối năm	5.036.417.444	10.652.021.229	887.692.957	1.177.411.954	17.753.543.584
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	788.317.868	5.493.287.816	773.029.708	943.978.673	7.998.614.065
- Khấu hao trong năm	475.778.061	1.653.993.312	102.825.125	233.433.281	2.466.029.779
- Thanh lý, nhượng bán	-	(257.825.132)	-	-	(257.825.132)
Số dư cuối năm	1.264.095.929	6.889.455.996	875.854.833	1.177.411.954	10.206.818.712
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.248.099.576	5.416.558.545	114.663.249	233.433.281	10.012.754.651
Tại ngày cuối năm	3.772.321.515	3.762.565.233	11.838.124	-	7.546.724.872

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.750.517.702 VNĐ.

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 190.652.455 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.300.000.000	160.000.000	20.460.000.000
Số dư cuối năm	<u>20.300.000.000</u>	<u>160.000.000</u>	<u>20.460.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	51.111.106	51.111.106
- Khấu hao trong năm	-	53.333.328	53.333.328
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>104.444.434</u>	<u>104.444.434</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.300.000.000	108.888.894	20.408.888.894
Tại ngày cuối năm	<u>20.300.000.000</u>	<u>55.555.566</u>	<u>20.355.555.566</u>

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.



13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	5.241.831.628	5.241.831.628	357.605.393	357.605.393
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	-	691.493.133	691.493.133
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	775.031.167	775.031.167	3.213.515.449	3.213.515.449
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	-	-	835.904.971	835.904.971
- Phải trả cho các đối tượng khác	497.745.910	497.745.910	2.159.648.981	2.159.648.981
	6.514.608.705	6.514.608.705	7.258.167.927	7.258.167.927
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	6.016.862.795	6.016.862.795	4.262.613.975	4.262.613.975

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		164.087.617	709.214.035	499.304.566	-	373.997.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.536.948.603	4.540.208.881	3.840.039.512	-	2.237.117.972
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.061.771	1.040.551.155	924.986.824	-	128.626.102
Các loại thuế khác	-	-	104.259.730	104.259.730	-	-
	-	1.714.097.991	6.394.233.801	5.368.590.632	-	2.739.741.160

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phí tổ chức bản thảo	190.118.812	126.260.604
	190.118.812	126.260.604

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	91.339.675	77.901.696
Phải trả khác	353.270.604	2.193.035.816
- Hoa hồng môi giới	162.074.700	1.387.743.503
- Phải trả sau quyết toán vật tư	37.786.072	83.858.626
- Tuyên truyền, giới thiệu, quảng cáo	-	630.523.855
- Các khoản phải trả khác	153.409.832	90.909.832
	444.610.279	2.270.937.512

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	7.042.649.716	1.598.452.213	10.075.274.932	68.716.376.861
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.257.039.267	10.257.039.267
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	2.165.660.346	444.377.356	(2.610.037.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.777.509.426)	(1.777.509.426)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	9.208.310.062	2.042.829.569	11.444.767.071	72.695.906.702
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	9.208.310.062	2.042.829.569	11.444.767.071	72.695.906.702
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.773.012.423	15.773.012.423
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	2.692.779.451	512.851.963	(3.205.631.414)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.051.407.853)	(2.051.407.853)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	11.901.089.513	2.555.681.532	16.960.740.227	81.417.511.272

Theo nghị quyết số 04/NQ-ĐHCD ngày 07 tháng 04 năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		10.257.039.267
Trích Quỹ khen thưởng CBCNV	5,00%	512.851.963
Trích Quỹ phúc lợi	10,00%	1.025.703.927
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5,00%	512.851.963
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	512.851.963
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	26,25%	2.692.779.451
Chi trả cổ tức	48,75%	5.000.000.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000 đồng)		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00%	23.000.000.000	46,00%
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00%	27.000.000.000	54,00%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.000.000.000	4.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.000.000.000	4.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	5.000.000.000	4.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.000.000.000	4.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.901.089.513	9.208.310.062
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.555.681.532	2.042.829.569
	14.456.771.045	11.251.139.631

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	554.619.975.343	467.711.168.962
Doanh thu bán thành phẩm	48.724.961.735	52.323.862.926
	603.344.937.078	520.035.031.888
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	3.303.190.483	1.137.527.745

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	496.813.579.683	427.955.139.752
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.284.211.520	27.853.136.142
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.464.761.078	1.399.129.849
	524.562.552.281	457.207.405.743
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	469.379.871.981	391.245.217.235

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.451.622	69.010.217
Lãi bán các khoản đầu tư	3.750.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	128.930.000	129.570.000
Chiết khấu thanh toán, thu tiền phạt chậm thanh toán	1.532.080.681	440.623.933
	1.674.212.303	639.204.150
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	1.532.080.681	-

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	64.738.254	-
Chiết khấu thanh toán	428.077.799	84.839.569
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(292.212.500)	292.212.500
	200.603.553	377.052.069

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.709.313	20.105.756
Chi phí nhân công	15.414.975.089	10.565.798.362
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.342.167.383	325.270.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	315.279.970	473.600.204
Thuế, phí và lệ phí	324.619.365	33.314.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.434.117.166	6.248.721.841
Chi phí khác bằng tiền	12.408.696.081	10.727.862.520
	37.246.564.367	28.394.674.624

Trong đó: Chi phí bán hàng mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

	1.205.427.272	1.164.673.897
--	----------------------	----------------------

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.516.301.411	5.392.477.875
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	401.707.562	1.571.922.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.436.113	2.244.987.401
Thuế, phí và lệ phí	180.159.305	157.908.756
Chi phí dự phòng	2.653.551.744	3.976.464.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.411.142.551	1.882.008.501
Chi phí khác bằng tiền	7.075.076.019	6.213.782.075
	22.687.374.705	21.439.551.034

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	100.000.000	-
Các khoản khác	116.744.741	2.624.320
	216.744.741	2.624.320

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	98.759.730	-
Các khoản khác	126.818.182	264.189.018
	225.577.912	264.189.018

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.313.221.304	12.993.987.870
Các khoản điều chỉnh tăng	2.501.298.557	820.325.147
- Chi phí dự phòng khoản đầu tư dự án Kho sách	1.453.725.141	-
- Các khoản tiền phạt	98.759.730	-
- Chi phí khấu hao các xe ô tô vượt 1,6 tỷ	666.313.686	631.325.147
- Thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	282.500.000	189.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	128.930.000	129.570.000
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	128.930.000	129.570.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.685.589.861	13.684.743.017
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.537.117.972	2.736.948.603
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	3.090.909	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.536.948.603	865.685.600
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.840.039.512)	(2.065.685.600)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.237.117.972	1.536.948.603

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.773.012.423	10.257.039.267
Các khoản điều chỉnh :	3.154.602.485	2.051.407.853
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	3.154.602.485	2.051.407.853
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.618.409.938	8.205.631.414
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.524	1.641

Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm xác định theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.254.093.063	7.542.521.363
Chi phí nhân công	23.931.276.500	15.958.276.237
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.743.874.945	1.897.193.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.519.363.107	3.033.023.865
Thuế, phí và lệ phí	504.778.670	191.223.751
Chi phí dự phòng	2.653.551.744	3.976.464.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.405.991.425	27.402.393.829
Chi phí khác bằng tiền	19.483.772.100	16.941.644.595
	88.496.701.554	76.942.741.012

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.912.545.126	-	6.515.349.372	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	48.842.831.713	(8.214.923.129)	43.313.606.709	(5.576.460.535)
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	63.220.000	-
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	1.212.500.000	(292.212.500)
	69.031.096.839	(8.214.923.129)	51.104.676.081	(5.868.673.035)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	6.959.218.984	9.529.105.439
Chi phí phải trả	190.118.812	126.260.604
	7.149.337.796	9.655.366.043

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý

rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
Cộng	63.220.000	1.212.500.000	-	1.275.720.000
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	920.287.500	-	920.287.500
Cộng	63.220.000	920.287.500	-	983.507.500

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.912.545.126	-	-	18.912.545.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.533.733.553	2.079.085.881	-	40.612.819.434
Cộng	57.446.278.679	2.079.085.881	-	59.525.364.560
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.515.349.372	-	-	6.515.349.372
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.306.337.594	3.430.808.580	-	37.737.146.174
Cộng	40.821.686.966	3.430.808.580	-	44.252.495.546

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.959.218.984	-	-	6.959.218.984
Chi phí phải trả	190.118.812	-	-	190.118.812
	7.149.337.796	-	-	7.149.337.796
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.529.105.439	-	-	9.529.105.439
Chi phí phải trả	126.260.604	-	-	126.260.604
	9.655.366.043	-	-	9.655.366.043

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		3.303.190.483	1.137.527.745
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	1.054.909.092	451.660.415
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	1.852.132.591	484.800.554
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	396.148.800	201.066.776
Doanh thu tài chính		1.532.080.681	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	1.532.080.681	-

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		470.585.299.253	392.409.891.132
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	458.547.030.237	380.063.703.190
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cổ đông lớn	7.109.459.913	9.581.340.042
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	4.928.809.103	2.764.847.900

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	440.187.120
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	-	440.187.120
Phải trả cho người bán ngắn hạn		6.016.862.795	4.262.613.975
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	5.241.831.628	357.605.393
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	-	691.493.133
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cổ đông lớn	775.031.167	3.213.515.449

Thù lao, thu nhập từ quỹ điều hành của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Hà Sĩ Chuẩn	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 07/04/2021)	193.000.000	79.000.000
Ông Phạm Vĩnh Thái	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 07/04/2021)	108.000.000	109.500.000
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	962.699.660	602.229.580
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 07/04/2021)	9.000.000	34.500.000
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 07/04/2021)	60.000.000	-
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	776.972.000	484.939.980
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/05/2020)	-	15.000.000
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/01/2021)	648.998.500	83.500.000
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/10/2021)	419.423.000	-
Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)	194.607.690	274.772.487
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/04/2021)	261.160.000	397.445.335

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Thị Chung
Người lập biểu



Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

